Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8445.90.20

Mã HS	8445.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đậu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt; máy guồng hoặc máy đánh ống sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sợi dệt dùng cho máy thuộc nhóm 84.46 hoặc 84.47 / - Loại khác: / - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:54:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84459020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13954
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13954
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13954
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13271
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13212
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13212
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13212
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13212
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13212
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13212
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13266
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13266
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13266
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13266
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13266
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13267
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13267
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13267
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13267
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13267
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13267
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13270
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13218
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13226
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13226
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13226
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13226
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13226
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13226
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13257
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13257
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13257
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13257
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13257
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13257
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13306
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13306
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13306
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13306

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13306
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13306
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13289
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13289
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13289
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13289
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13289
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13289
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13289
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13289
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13289
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13289
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13289
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13289
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13304
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13304
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13304
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13304
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13304
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13304
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13303
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13303
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13303
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13303
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13303
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13303

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13283
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13283
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13283
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13283
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13283
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13283
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13283
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13291
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13291
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13291
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13291
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13291
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13291
RCEP B	2022	2022	0	B!D13291
RCEP B	2023	2023	0	B!E13291
RCEP B	2024	2024	0	B!F13291
RCEP B	2025	2025	0	B!G13291
RCEP B	2026	2026	0	B!H13291
RCEP B	2027	2027	0	B!I13291
RCEP C	2022	2022	0	C!D13291
RCEP C	2023	2023	0	C!E13291
RCEP C	2024	2024	0	C!F13291
RCEP C	2025	2025	0	C!G13291
RCEP C	2026	2026	0	C!H13291
RCEP C	2027	2027	0	C!I13291
RCEP D	2022	2022	0	D!D13290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13290
RCEP D	2024	2024	0	D!F13290
RCEP D	2025	2025	0	D!G13290
RCEP D	2026	2026	0	D!H13290
RCEP D	2027	2027	0	D!I13290
RCEP E	2022	2022	0	E!D13294
RCEP E	2023	2023	0	E!E13294
RCEP E	2024	2024	0	E!F13294
RCEP E	2025	2025	0	E!G13294
RCEP E	2026	2026	0	E!H13294
RCEP E	2027	2027	0	E!I13294
RCEP F	2022	2022	0	F!D13291
RCEP F	2023	2023	0	F!E13291
RCEP F	2024	2024	0	F!F13291
RCEP F	2025	2025	0	F!G13291
RCEP F	2026	2026	0	F!H13291
RCEP F	2027	2027	0	F!I13291
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12332
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12332
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12332
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12332

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8445.90 có 2 dòng thuế; dòng 8445.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8445.90.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8445.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8445.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13954), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.